TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**
Số: **200**/2024/QĐST-HNGĐ	*Quận D, ngày 19 tháng 4 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 140/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Bùi Hằng N, sinh năm 1989
HKTT: Ấp Ông C, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

2. Ông Ông Từ Trương K, sinh năm 1989

HKTT: A B, Phường H, Quận D, TP ..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét thấy, tại biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 4 năm 2024, các đương sự đã thỏa thuận như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Hằng N và ông Từ Trương K có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 48/2023, ngày 24/5/2023 tại Ủy ban nhân dân Phường H, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không còn tình cảm, hai vợ chồng không chung sống với nhau từ khi kết hôn cho đến nay, nên ông bà yêu cầu tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà Bùi Hằng N và ông Từ Trương K xác nhận ông, bà có 01 (một) con chung tên Từ Bảo A, sinh ngày 17/6/2023 (chưa thành niên). Khi ly hôn, ông bà thống nhất giao con chưa thành niên là trẻ Từ Bảo A cho bà Bùi Hằng N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông K không cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Bùi Hằng N và ông Từ Trương K xác nhận ông, bà không có tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Bà Bùi Hằng N tự nguyện chịu toàn bộ.

Xét thấy việc thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Tòa án công nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Hằng N và ông Từ Trương K thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 48/2023 ngày 24/5/2023 tại Ủy ban nhân dân Phường H, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh).

1.2. Về con chung: Bà Bùi Hằng N và ông Từ Trương K thống nhất giao con chung chưa thành niên là trẻ Từ Bảo A, sinh ngày 17/6/2023 cho bà Bùi Hằng N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông K không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Từ Trương K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở; nhưng ông K không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

1.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Bùi Hằng N và ông Từ Trương K xác nhận ông, bà không có tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, bà Bùi Hằng N tự nguyện chịu. Được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí bà N đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0034196 ngày 20/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4, bà N đã đóng đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành

án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 4;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Bích Phượng